TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LỤC YÊN** **TỈNH YÊN BÁI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 129/2022/QĐST-HNGĐ	*Lục Yên, ngày 26 tháng 8 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 154/2022/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2022, giữa:

- Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Thôn K, xã Minh C, huyện L, tỉnh Yên Bái.

- Chị Triệu Thị X, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Thôn K, xã Tân P, huyện L, tỉnh Yên Bái.

- Ngân hàng N.

Địa chỉ: Số 2 L, phường T, quận B, thành phố Hà Nội.

Người đại diện cho ngân hành N ông Phạm Kiều H- Giám đốc Ngân hàng N- Chi nhánh huyện L , theo văn bản uỷ quyền số: 2965/QĐ-NHNNo-PC ngày 27/12/2019 và Văn bản uỷ quyền số: 389/QĐ-NHNNo-PC ngày 23/3/2021 của ngân hàng N.

Người được uỷ quyền lại: Ông Hoàng Văn T- Giám đốc phòng giao dịch Y. Theo văn bản uỷ quyền số 133/GUQ/NHNNo.LY-TH ngày 03/8/2022 của Ngân hàng N chi nhánh huyện L.

Căn cứ vào Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 60, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 7 Điều 26; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 18 tháng 8 năm 2022,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 18 tháng 8 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn

và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Văn Đ và chị Triệu Thị X.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn Đ và chị Triệu Thị X thống nhất thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Giao cho anh Nguyễn Văn Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con Nguyễn Văn N, sinh ngày 17-02-2017 cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi. Chị Triệu Thị X không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

2.3. Về tài sản chung và nợ chung:

- Về tài sản chung: Anh Nguyễn Văn Đ và chị Triệu Thị X không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về nợ chung:

+ Anh Nguyễn Đ có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng N số tiền 58.075.000 đồng trong đó có nợ gốc 50.000.000 đồng và nợ lãi 8.075.000 đồng (trong đó lãi trong hạn là 5.438.000 đồng, lãi quá hạn là 2.637.000 đồng).

Kể từ ngày 19-8-2022 cho đến khi thi hành án xong bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thoả thuận, nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

+ Chị Triệu Thị X có nghĩa vụ thanh toán cho anh Nguyễn Văn Đ tiền chênh lệch trả nợ chung là 20.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thì hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2.4. Về án phí:

- Anh Nguyễn Văn Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 75.000 đồng và án phí dân sự sơ thẩm về việc chia nợ chung làm tròn là 1.451.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 1.500.000 đồng, theo biên lai số: AA/2021/0002377, ngày 09 tháng 6 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái, anh Nguyễn Văn Đ còn phải nộp 26.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Chị Triệu Thị X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 75.000 đồng và án phí về việc chia nợ chung là 500.000 đồng. Tổng cộng chị X phải nộp 575.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Ngân hàng N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định, được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Yên Bái;
- Các đương sự;
- VKSND huyện Lục Yên;
- Chi cục THADS huyện Lục Yên;
- UBND xã M, huyện L;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Văn Lên